TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2025/DS-ST
Ngày: 19-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huế

1. Ông Lê Hữu Trọng

2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư, là Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Trụ sở chính: Số 266-268 Đường N, phường X (Phường V, Quận B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1996; địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng S (X), địa chỉ: Lầu 6, số 278 Đường N, phường X (Phường V, Quận B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 3345/2025/UQ-TGĐ ngày 08/5/2025) (*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Huy L, sinh năm 1987

Thường trú: 402/26A Đường A phường C (Phường B, Quận N cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (có ông Nguyễn Huy H là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ngày 23/4/2019, ông Nguyễn Huy L có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Sau đây viết tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và

sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Đơn vị phát hành thẻ) - Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng tín dụng). Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Huy L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng quốc với hạn mức sử dụng là 40.000.000 (*bốn mươi triệu*) đồng cho mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.6%/tháng (lãi suất trong hạn). Lãi suất tại thời điểm Ngân hàng phê duyệt cho vay được áp dụng theo Quyết định số 935/2019/QĐ-TTT ngày 27/3/2019 của Ngân hàng về việc ban hành Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ Y phát hành tại Việt Nam.

Sau khi được cấp tín dụng, ông Nguyễn Huy L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 510.717.000 đồng. Trong quá trình sử dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông L đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền 479.391.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm) (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngừng thanh toán kể từ ngày 23/10/2020 cho đến nay. Do ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (căn cứ theo Điều 2 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/02/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông L, chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (dư nợ gốc) của ông L tại thời điểm này là 45.202.258 đồng sang nợ quá hạn (áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn được công bố và áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (150%x2.6%/tháng = 3.9%/tháng) (căn cứ theo Điều 23 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) (Lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn được áp dụng theo Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ Thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam là 2.6%/tháng).

Tính đến ngày 19/8/2025, ông Nguyễn Huy L còn nợ Ngân hàng số tiền là 141.514.815 (*một trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm mười bốn ngàn tám trăm mười lăm*) đồng, trong đó: nợ gốc: 45.202.258 đồng; nợ lãi quá hạn: 96.312.557 đồng. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 45.202.258 đồng với lãi suất quá hạn là 3.9%/tháng (150% x 2.6%/tháng = 3.9%/tháng) kể từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực B – Thành phố Hồ Chí Minh buộc ông Nguyễn Huy L phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 19/8/2025 là 141.514.815 (*một trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm mười bốn ngàn tám trăm mười lăm*) đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/8/2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng yêu cầu trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngân hàng xác định chỉ cho cá nhân ông Nguyễn Huy L vay với mục đích tiêu dùng cá nhân nên chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân ông L trả nợ, không yêu cầu đối với ai khác.

Bị đơn ông Nguyễn Huy L đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Nguyễn Huy H) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và nguyên đơn vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện nêu trên.

- Bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Do đó, Hội đồng xét xử công bố lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 19/8/2025 là 141.514.815 (*một trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm mười bốn ngàn tám trăm mười lăm*) đồng, trong đó: nợ gốc: 45.202.258 đồng; nợ lãi quá hạn: 96.312.557 đồng. Bị đơn còn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/8/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên đề nghị bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Huy L thanh toán tiền gốc và tiền lãi còn nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng. Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Vụ án trên do Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực B1 – Thành phố Hồ Chí Minh) chuyển đến theo Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 01/2025/QĐST-DS ngày 06/01/2025.

Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/4/2019, tại mục thông tin cá nhân của chủ thẻ, ông Nguyễn Huy L cung cấp thông tin về nơi cư trú như sau: Địa chỉ thường trú: 402/26A Đường A, Phường B, Quận N (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ hiện tại: 481/8 Đường C, Phường T, quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường T, quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Tại địa chỉ số 481/8 Đường T, Phường T, quận G không có Nguyễn Huy L đăng ký thường trú, tạm trú và thực tế cư trú.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường B, Quận N (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Ông Nguyễn Huy L có đăng ký thường trú tại địa chỉ 402/26A Đường A, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng không thực tế cư trú tại địa phương. Hiện ở tại địa chỉ số 362/25/21 Đường P, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại kết quả trả lời xác minh của Công an Phường M, quận G (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Ông Nguyễn Huy L không thường trú, không tạm trú, không thực tế cư trú tại địa chỉ số 362/25/21 Đường P, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29/12/2024, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực B1 – Thành phố Hồ Chí Minh chuyển vụ án nêu trên đến Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực B – Thành phố Hồ Chí Minh) – Là Tòa án nơi bị đơn có đăng ký thường trú và là Tòa án nơi có địa chỉ bên vay ghi trên hợp đồng tín dụng, đó là số nhà 402/26A Đường A, Phường B, Quận N (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết vụ án.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, người khởi kiện không cung cấp được địa chỉ nào khác của người bị kiện. Người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của người bị kiện theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, việc người bị kiện thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho người khởi kiện biết được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Như vậy, có cơ sở để xác định nơi cư trú cuối cùng của ông Nguyễn Huy L là nơi ông L đăng ký thường trú tại địa chỉ 402/26A Đường A, Phường B, Quận N (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án năm 2025.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo Khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn:

Bị đơn ông Nguyễn Huy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Huy H đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Huy L nhưng ông L vắng mặt, không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/4/2019, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S) có cơ sở xác định: Ngân hàng cấp cho ông Nguyễn Huy L thẻ tín dụng quốc tế (loại thẻ quốc tế Visa hạng chuẩn) có số thẻ 472074-4968, hạn mức sử dụng là 40.000.000 (*bốn mươi triệu*) đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

[3.2] Căn cứ bảng Tóm tắt sao kê thẻ số 472074-4968 do Ngân hàng cung cấp có cơ sở xác định ông Nguyễn Huy L bắt đầu sử dụng thẻ từ ngày 22/5/2019, kể từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng cộng số tiền 510.717.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền 479.391.000 đồng, không thanh toán kể từ ngày 23/10/2020 cho đến nay. Khoản tiền ông L thanh toán được áp dụng theo thứ tự sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ, được quy định tại Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Do ông Nguyễn Huy L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn từ ngày 23/02/3021. Vào thời điểm trên, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 45.202.258 đồng làm nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong

hạn (tương ứng 150% x 2.6%/tháng = 3.9%/tháng). Do đó, có cơ sở xác định ông L còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 45.202.258 (*bốn mươi lăm triệu hai trăm lẻ hai ngàn hai trăm năm mươi tám*) đồng.

[3.3] Căn cứ Điều 23 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định: "…*Việc không thanh toán ít nhất Số Tiền Tối Thiểu của Chủ Thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm Hợp đồng. Trong Trường hợp này, toàn bộ tổng Dư Nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ Thẻ phải thanh toán…Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ Thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn Vị Phát Hành Thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau: - Chấm dứt quyền sử dụng Thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ nợ; Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với điều 22 đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của Đơn vị Phát Hành Thẻ…".*

Căn cứ Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ Thẻ Y phát hành tại Việt Nam, lãi suất áp dụng đối với loại thẻ tín dụng quốc tế cấp cho ông Nguyễn Huy L tại thời điểm chuyển nợ quá hạn là 2.6%/tháng, lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất trong hạn, tương ứng là 3.9%/tháng (150% x 2.6%/tháng = 3.9%/tháng).

Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 quy định: "…*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật…*".

Như vậy, việc Ngân hàng áp dụng mức lãi suất quá hạn 3.9%/tháng là do các bên đã tự thỏa thuận tại Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân, sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, ông Nguyễn Huy L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng, ông L không thanh toán tiền nợ thẻ tín dụng kể từ ngày 23/10/2020. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ của ông Nguyễn Huy L sang nợ quá hạn kể từ ngày 23/02/3021 là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 23 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Vì vậy, việc Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Huy L phải thanh toán tiền lãi quá hạn tính từ ngày 23/02/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 19/8/2025 với tổng số tiền là 96.312.557 đồng là có cơ sở.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Huy L phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ của thẻ tín dụng quốc tế (số thẻ 472074-4968) được cấp theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 23/4/2019, tính đến ngày 19/8/2025 là 141.514.815 (*một trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm mười bốn ngàn tám trăm mười lăm*) đồng, trong đó: nợ gốc: 45.202.258 đồng; nợ lãi quá hạn: 96.312.557 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01

năm 2011; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Bị đơn còn phải tiếp tục chịu tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

[3.5] Về thời hạn trả nợ: Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Huy L phải trả số tiền còn nợ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, điều này đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên yêu cầu này của Ngân hàng là có cơ sở để được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.6] Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự: Trong vụ án này, nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu ai cùng với bị đơn thực hiện nghĩa vụ dân sự. Đối chiếu với quy định của pháp luật cùng với những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định số tiền bị đơn đã sử dụng phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng cá nhân nên không buộc ai phải cùng có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ của bị đơn.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên ông Nguyễn Huy L phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 7.075.741 (*bảy triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn bảy trăm bốn mươi mốt*) đồng. Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Như vậy, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh về việc đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án năm 2025;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 và Khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011;

Căn cứ Luật phí, lệ phí năm 2015 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

1.1. Buộc ông Nguyễn Huy L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S toàn bộ số tiền còn nợ của thẻ tín dụng quốc tế (số thẻ 472074-4968) được cấp theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 23/4/2019, tính đến ngày 19/8/2025 là 141.514.815 (*một trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm mười bốn ngàn tám trăm mười lăm*) đồng, trong đó: nợ gốc là 45.202.258 (*bốn mươi lăm triệu hai trăm lẻ hai ngàn hai trăm năm mươi tám)* đồng; nợ lãi quá hạn là 96.312.557 (*chín mươi sáu triệu ba trăm mười hai ngàn năm trăm năm mươi bảy)* đồng.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Kể từ ngày 20/8/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Huy L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Huy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.075.741 (*bảy triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn bảy trăm bốn mươi mốt*) đồng, nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.964.931 (*hai triệu chín trăm sáu mươi bốn ngàn chín trăm ba mươi mốt*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014810 ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực B1 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực B- TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực B- TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực B1- TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Huế

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Hùng Đức **Trần Nguyệt Mai** **Hoàng Thị Huế**